

**THÔNG TƯ**

**Quy định danh mục, quy cách và chỉ tiêu kỹ thuật khoáng sản  
làm vật liệu xây dựng được phép xuất khẩu**

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Vật liệu xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định danh mục, quy cách và chỉ tiêu kỹ thuật khoáng sản làm vật liệu xây dựng được phép xuất khẩu.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định danh mục, quy cách và chỉ tiêu kỹ thuật khoáng sản làm vật liệu xây dựng được phép xuất khẩu thuộc nhóm II và nhóm III theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐCP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản.

**2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại Việt Nam.

## **Điều 2. Danh mục, quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật, nguồn gốc và hồ sơ khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu**

1. Danh mục, quy cách và chỉ tiêu kỹ thuật các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng được phép xuất khẩu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu phải có nguồn gốc hợp pháp, bao gồm khoáng sản được khai thác, thu hồi hoặc khoáng sản mua bán, vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam trên cơ sở Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản.

3. Hồ sơ xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan và pháp luật về quản lý ngoại thương.

## **Điều 3. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Các bộ, ngành và địa phương liên quan phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành pháp luật trong hoạt động xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng tại các địa phương.

2. Cơ quan hải quan chủ trì kiểm tra hàng hóa xuất khẩu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật về hải quan; phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp cần xác định rõ về danh mục, quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật và nguồn gốc khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu; phối hợp cung cấp thông tin, số liệu về tình hình xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng qua các cửa khẩu cho Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi có yêu cầu.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chỉ đạo các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn. Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền) báo cáo tình hình xuất khẩu khoáng sản theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 30 tháng 01 hàng năm để Bộ Xây dựng tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Doanh nghiệp xuất khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu đảm bảo nguồn gốc hợp pháp và đáp ứng danh mục, quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật khoáng sản làm vật liệu xây dựng xuất khẩu quy định tại Thông tư này; đồng thời lưu giữ, cung cấp hồ sơ chứng minh nguồn gốc hợp pháp và quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật của khoáng sản xuất khẩu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm: Giấy phép khai thác khoáng sản hợp pháp; hợp đồng mua - bán khoáng sản; hóa đơn; phiếu phân tích chỉ tiêu kỹ thuật của tổ

chức thử nghiệm cấp; hợp đồng xuất khẩu và các tài liệu liên quan); lập báo cáo định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền) gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu) theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

#### **Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp**

Hồ sơ xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng đã đăng ký tờ khai hải quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục xử lý theo quy định hiện hành tại thời điểm đăng ký tờ khai; trường hợp đăng ký tờ khai mới sau ngày Thông tư có hiệu lực thì thực hiện theo Thông tư này.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.
2. Thông tư số 04/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT&VLXD.

**Nguyễn Văn Sinh**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC, QUY CÁCH VÀ CHỈ TIÊU KỸ THUẬT**  
**KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG XUẤT KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định danh mục, quy cách và chỉ tiêu kỹ thuật khoáng sản làm vật liệu xây dựng được phép xuất khẩu)*

<b>Mã HS</b>	<b>Danh mục khoáng sản</b>	<b>Quy cách, chỉ tiêu kỹ thuật</b>
<b>I</b>	<b>Cát oxit silic làm thủy tinh và kính xây dựng hoặc mục đích khác</b>	
2505.10.00.10	Bột oxit silic mịn và siêu mịn	Đã qua chế biến (tuyển, rửa, sấy, nghiền, phân loại cỡ hạt) Hàm lượng SiO <sub>2</sub> ≥ 97,7 %, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ≤ 0,03 % Kích thước cỡ hạt ≤ 96 μm
2505.10.00.20	Bột oxit silic mịn	Đã qua chế biến (tuyển, rửa, sấy, nghiền, phân loại cỡ hạt) Hàm lượng SiO <sub>2</sub> ≥ 99,3%, Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> ≤ 0,01 % Kích thước cỡ hạt ≤ 500 μm
2505.10.00.90	Cát trắng oxit silic, cát vàng oxit silic	Đã qua chế biến (tuyển, rửa, phân loại cỡ hạt) Hàm lượng SiO <sub>2</sub> ≥ 95% Kích thước cỡ hạt ≤ 2,5 mm
2505.90.00	Cát oxit silic loại khác dùng làm khuôn đúc và vật liệu xây dựng	Đã qua chế biến (tuyển, rửa, phân loại cỡ hạt) Hàm lượng SiO <sub>2</sub> ≥ 85% Kích thước cỡ hạt ≤ 2,5 mm
2506.10.00	Cát nghiền từ đá thạch anh	Đã qua chế biến (đập, nghiền, sàng phân loại cỡ hạt) Hàm lượng SiO <sub>2</sub> ≥ 95 % Kích thước cỡ hạt ≤ 2,5 mm
<b>II</b>	<b>Đá tự nhiên làm đá ốp lát, đá mỹ nghệ</b>	
2506.10.00	Đá thạch anh	Đã được đẽo, cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày ≤ 300 mm hoặc thành khối (đá khối) có thể tích ≥ 0,1 m <sup>3</sup>
2506.20.00	Đá quartzit	Đã được đẽo, cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày ≤ 300 mm hoặc thành khối (đá khối) có thể tích ≥ 0,1 m <sup>3</sup>
2514.00.00	Đá phiến	Đã được đẽo, cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày ≤ 50 mm

2515.12.10.10	Đá hoa trắng dạng khối	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành khối (đá khối) có thể tích $\geq 0,1 \text{ m}^3$
2515.12.10.90	Đá hoa loại khác dạng khối	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành khối (đá khối) có thể tích $\geq 0,1 \text{ m}^3$
2515.12.20	Đá hoa (bao gồm cả đá hoa trắng)	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày $\leq 300 \text{ mm}$
2515.20.00.10	Đá vôi trắng dạng khối	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành khối (đá khối) có thể tích $\geq 0,1 \text{ m}^3$
2515.20.00.90	Đá vôi dolomit, đá vôi khác	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày $\leq 300 \text{ mm}$
2516.12.10	Đá granit dạng khối	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành khối (đá khối) có thể tích $\geq 0,1 \text{ m}^3$
2516.12.20	Đá granit	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày $\leq 300 \text{ mm}$
2516.20.20	Đá cát kết	Đã được cưa, cắt hoặc cách khác thành khối có thể tích $\geq 0,1 \text{ m}^3$ hoặc thành tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông) có chiều dày $\leq 300 \text{ mm}$
2516.90.00	Đá gabbro, bazan, poefia và đá khác	Đã được đẽo, cưa, cắt hoặc cách khác làm tượng đài hoặc đá xây dựng
<b>III</b>	<b>Đá làm vật liệu xây dựng thông thường hoặc mục đích khác</b>	
2517.10.00.10	Đá cuội, sỏi; đá đã vỡ hoặc nghiền; đá ballast khác	Đã qua chế biến đập, nghiền hoặc cách khác; kích thước $\leq 400 \text{ mm}$
2517.10.00.90	Đá cuội, sỏi; đá đã vỡ hoặc nghiền; đá ballast khác	Đã qua chế biến đập, nghiền hoặc cách khác; kích thước $> 400 \text{ mm}$
2517.49.00.10	Bột cacbonat canxi chế biến từ đá vôi thuộc nhóm 2515	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại; kích thước $\leq 0,125 \text{ mm}$
2517.49.00.20	Bột cacbonat canxi chế biến từ đá vôi thuộc nhóm 2515	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại; kích thước: Từ $> 0,125 \text{ mm}$ đến $1,0 \text{ mm}$
2517.49.00.30	Bột cacbonat canxi chế biến từ đá vôi thuộc nhóm 2515	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại; kích thước: Từ $> 1,0 \text{ mm}$ đến $400 \text{ mm}$
<b>IV</b>	<b>Khoáng sản khác</b>	
2518.10.00	Đá dolomit dùng để sản xuất dolomit nung hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại Hàm lượng $\text{MgO} \geq 18 \%$ Kích thước cỡ hạt $\leq 100 \text{ mm}$
2521.00.00	Đá vôi dùng để sản xuất vôi hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại Hàm lượng $\text{CaCO}_3 \geq 85\%$ Kích thước cỡ hạt $\leq 100 \text{ mm}$
2507.00.00	Cao lanh dùng để sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, tuyển, sấy, sàng phân loại Hàm lượng $\text{Al}_2\text{O}_3 \geq 28\%$ , $\text{Fe}_2\text{O}_3 \leq 1 \%$ Kích thước cỡ hạt $\leq 0,2 \text{ mm}$

2507.00.00	Cao lanh pyrophyllite dùng để sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại Kích thước cỡ hạt $\leq 100$ mm
2508.30.00	Đất sét chịu lửa dùng để sản xuất vật liệu chịu lửa hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại Hàm lượng $Al_2O_3 \geq 23\%$ Kích thước cỡ hạt $\leq 0,2$ mm
2529.10.10	Tràng thạch (feldspar) dùng để sản xuất gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng hoặc vật liệu xây dựng khác	Đã qua chế biến đập, nghiền, sàng phân loại Hàm lượng $(K_2O+Na_2O) \geq 7\%$ Kích thước cỡ hạt $\leq 100$ mm
	Khoáng sản làm vật liệu xây dựng chuyển ra nước ngoài để phân tích, nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ	Khối lượng, chủng loại khoáng sản phù hợp với mục đích nghiên cứu, thử nghiệm

**Mẫu số 01. Báo cáo về xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng của địa phương****(TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO VỀ XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ (tên tỉnh, thành phố) NĂM...****1. Bảng thống kê khoáng sản xuất khẩu:**

TT	Doanh nghiệp xuất khẩu	Khối lượng (tấn, m <sup>3</sup> , m <sup>2</sup> )	Giá trị (tr.đồng)	Nguồn gốc khoáng sản (Giấy phép khai thác)	Cửa khẩu xuất khẩu	Nước nhập khẩu	Ghi chú
I	Loại khoáng sản Ví dụ: Cát trắng oxit silic						
1.	Công ty A						
2.	Công ty B						
3.	.....						
<b>Tổng cộng:</b>							
II	Loại khoáng sản Ví dụ: Đá thạch anh						
1.	Công ty A						
2.	Công ty B						
3.	.....						
<b>Tổng cộng:</b>							

**2. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về xuất khẩu khoáng sản:**

.....

**3. Đề xuất, kiến nghị:.....**

**UBND tỉnh, thành phố .....**  
(ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 02. Báo cáo về xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng của doanh nghiệp****(TÊN DOANH NGHIỆP)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....

**BÁO CÁO VỀ XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
CỦA DOANH NGHIỆP (tên doanh nghiệp) NĂM...**

Kính gửi:.....

**1. Bảng thống kê khoáng sản xuất khẩu:**

TT	Loại khoáng sản	Khối lượng (tấn, m <sup>3</sup> , m <sup>2</sup> )	Giá trị (tr.đồng)	Nguồn gốc khoáng sản (Giấy phép khai thác)	Cửa khẩu xuất khẩu	Nước nhập khẩu	Ghi chú
1.	Cát trắng oxit silic						
2.	Đá thạch anh						
3.	.....						
<b>Tổng cộng:</b>							

**2. Tình hình chấp hành các quy định của pháp luật về xuất khẩu khoáng sản:**

.....

**3. Đề xuất, kiến nghị:.....****Tên doanh nghiệp .....****(ký tên, đóng dấu)**